TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày 27-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Tráng.

Ông Lê Mạnh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 05 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 tại xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 1/10; con ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B; vợ: Nguyễn Thị T và có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2018, chuyển tạm giam ngày 19/3/2018. *Có mặt.*

- *Người bị hại:* Anh *Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn T1),* sinh năm 1986. *Có mặt.*

Trú tại: Xóm 6, thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà *Nguyễn Thị T*, sinh năm 1964. *Có mặt.*

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

+ Chị *Phạm Thị D*, sinh năm 1990. *Có mặt.*

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

+ *Anh Nguyễn C*, sinh năm 1973. *Có mặt.*

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984. *Có mặt.*

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988. *Có mặt.*

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 15/01/2018, ông Nguyễn C, sinh năm 1973, trú tại: Xóm 6, thôn H, xã Đ, huyện M có đơn tố giác đến Công an huyện M, nội dung: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/01/2018, Nguyễn Văn N, sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú tại: Xóm 6, thôn H, xã Đ có hành vi dùng gậy tre, gắn kim loại 4 đầu nhọn, gây thương tích vào đầu Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn T1), sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú tại: Xóm 6, thôn H, xã Đ. Hậu quả T phải đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân y 103.

Ngày 15/01/2018, Công an huyện M thu giữ 01 dĩa bằng kim loại có 4 mũi nhọn, mỗi mũi nhọn có chiều dài 29 cm, phần rộng nhất 0.7 cm; dĩa có chiều rộng 20 cm, dài 39 cm; 01 đoạn gậy tre, dài 70 cm, đường kính 3 cm (cán của chiếc dĩa kim loại).

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 79/TTPY, ngày 30/01/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hà Nội kết luận:

"1. Các vết thương, vết mổ đang liền sẹo: 08%.

2. Ổ tổn thương não, xuất huyết nhu mô não vùng trán đỉnh hai bên: 31%.

3. Ổ khuyết xương sọ vùng trán đỉnh hai bên: 26%.

4. Tổn thương do dị vật kim loại đầu nhọn gây ra (theo như phim chụp X quang và tang vật thu được).

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 53% (Năm mươi ba phần trăm). Tính theo phương pháp cộng lùi".

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: Khoảng 23 giờ ngày 14/01/2018, N cùng Nguyễn Văn T uống rượu tại nhà Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 ở cùng thôn. Tại đây, Nguyễn Văn T mời Nguyễn Văn N uống rượu nhưng N từ chối nên giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, N bỏ về trước. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T đi bộ từ nhà T về nhà anh trai là Nguyễn C, sinh năm 1973 ở cùng thôn để ngủ, khi đi qua nhà N do vẫn còn bực tức nên đã đứng ngoài cổng ngõ nhà N chửi. Thấy T chửi, N dậy đi ra mở cổng, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 là vợ N cũng đi theo, ngăn không cho N ra gặp T và tiếp tục khuyên T đi về. N bỏ lên phòng ngủ trên tầng 2 thì nghe tiếng T chửi "Địt mẹ thằng N, mày xuống đây". N bật dậy, lấy chiếc dĩa 4 răng, cán tre của gia đình thường để ở góc phòng ngủ đi ra ngoài ban công nói với T "Mày đi về đi" nhưng T không về, N ném chiếc dĩa về phía T và nghe thấy bà Nguyễn Thị T kêu lên "Ối, anh ném phải đầu nó rồi". Sau khi bị chiếc dĩa cắm vào đầu, T đi về phía nhà Đinh V, sinh năm 1984 ở cùng thôn. Tình nghe thấy tiếng động, đi ra thấy T bị thương nên đã gọi Lê V T, sinh năm 1973 mang cưa máy đến cắt cán tre để mọi người đưa T đi cấp cứu. Nguyễn Văn N sau khi gây thương tích cho T đã đi bộ sang nhà ông Nguyễn L, sinh năm 1959 là anh trai N trú tại xóm 13, thôn Đ1, xã Đ, huyện M, nhờ gọi Lê H, sinh năm 1979, trú tại thôn P, xã Thượng L, huyện M lái xe taxi để đưa N lên trốn tại nhà anh trai là Nguyễn Thành H (Nguyễn H), sinh năm 1953 ở xóm T C 1, xã N, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 13/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra Quyết định truy nã số 05 đối với Nguyễn Văn N, đến ngày 16/3/2018 thì bắt được bị can khi đang lẩn trốn tại xóm T C 1, xã N.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-MĐ ngày 29 tháng 05 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố Nguyễn Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng.

Người bị hại đề nghị: Xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 200 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị:

Bà Nguyễn Thị T: Không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho người bị hại.

Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo bồi hoàn 2.000.000 đồng thuê xe ô-tô đưa người bị hại đi khám, chữa bệnh.

Chị Phan Thị D: Yêu cầu bị cáo bồi thường ngày công thu nhập bị mất.

Anh Nguyễn C yêu cầu bị cáo bồi thường 2.400.000 đồng tiền thuê ô-tô đi cứu chữa cho người bị hại và không yêu cầu bị cáo bồi thường ngày công thu nhập bị mất.

Anh Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường 960.000 đồng tiền thuê ô-tô đi khám, chữa bệnh cho người bị hại và yêu cầu bị cáo bồi thường ngày công thu nhập bị mất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm c Khoản 3 Điều 134, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn N từ 06 đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018.

- Về tang vật và trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường trả bị hại số tiền từ 170 triệu đến 180 triệu đồng. Đối trừ các khoản đã thanh toán, còn phải bồi thường tiếp từ 110 triệu đến 120 triệu đồng.

Buộc bị cáo bồi thường trả anh Nguyễn C tiền thuê xe, trả anh T2 tiền thuê xe và ngày công bị mất, trả chị D ngày công thu nhập bị mất.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những có liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Có đủ căn cứ xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/01/2018, tại trước cổng nhà mình ở xóm 6, thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn N đã có hành vi dùng chiếc dĩa bằng kim loại có 4 đầu nhọn, cán bằng tre gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T gây tổn hại sức khỏe là 53%.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, gây cản trở, khó khăn cho hoạt động điều tra nên cần xử lý nghiêm để đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định tại Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng.

Người bị hại xác nhận đã được bồi thường 20 triệu đồng gồm tiền chi phí cấp cứu, chữa trị. Nay yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường thiệt hại với số tiền là 200 triệu đồng.

Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ và thực tế điều trị thương tích do các bên xuất trình, giao nộp, hội đồng xét xử chấp nhận các khoản sau.

* Đối với chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khoẻ và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sĩ được chấp nhận gồm:

- Theo hóa đơn gia đình bà Nguyễn Thị T cung cấp và đã thanh toán:

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180119139D ngày 19/01/2018: 2.926.026đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180119144D ngày 19/01/2018: 2.411.085đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180122101D ngày 22/01/2018: 1.163.662đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180122105D ngày 22/01/2018: 615.375đ.

+ Phiếu thu tiền xét nghiệm số 180122078 ngày 22/01/2018: 536.000đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180123055D ngày 23/01/2018: 1.584.964đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180123056D ngày 23/01/2018: 246.559đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180124034D ngày 24/01/2018: 3.169.928đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180124035D ngày 24/01/2018: 480.426đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180126088D ngày 26/01/2018: 6.872.288đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180126090D ngày 26/01/2018: 387.036đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180130045D ngày 30/01/2018: 1.569.770đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180130047D ngày 30/01/2018: 79.178đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180131357D ngày 31/01/2018: 2.762.900đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180131358D ngày 31/01/2018: 534.996đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180201358D ngày 01/02/2018: 1.027.200đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180212C91D ngày 12/02/2018: 1.123.920đ.

+ Phiếu tạm thu tiền viện phí số 180305187 ngày 05/03/2018: 7.000.000đ.

+ Phiếu thu số 180305300 ngày 05/03/2018: 536.000đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180305B23D ngày 05/03/2018: 5.780đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180306329D ngày 06/03/2018: 92.784đ.

+ Phiếu tạm thu tiền viện phí số 180307188 ngày 07/03/2018: 18.000.000đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180308057D ngày 08/03/2018: 1.343.480đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180308058D ngày 08/03/2018: 163.083đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180309385D ngày 09/03/2018: 5.814.920đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180309387D ngày 09/03/2018: 211.332đ.

+ Phiếu thu tiền xét nghiệm số 180305C73 ngày 12/03/2018: 536.000đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180313031D ngày 13/03/2018: 5.372.808đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180313032D ngày 13/03/2018: 111.696đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180316C82D ngày 16/03/2018: 941.600đ.

+ Tiền anh L thuê xe 04 lần: 2.000.000đ.

Tổng: 69.620.796đ.

- Theo hóa đơn gia đình anh Nguyễn Văn T cung cấp và đã thanh toán:

+ Phiếu đăng ký khám bệnh ngày 15/01/2018: 39.000đ.

+ Phiếu thu tiền xét nghiệm ngày 15/01/2018: 94.000đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180115010D ngày 15/01/2018: 872.262đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180115673D ngày 15/01/2018: 2.407.026đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180115679D ngày 15/01/2018: 413.912đ.

+ Phiếu thu tiền xét nghiệm ngày 15/01/2018: 575.000đ.

+ Phiếu thu tiền máu số 180115011 ngày 15/01/2018: 3.221.065đ.

+ Phiếu thu tiền bảo quản mô số 189 ngày 15/01/2018: 2.075.000đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180116073D ngày 16/01/2018: 2.954.730đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180116074D ngày 16/01/2018: 1.827.087đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180117912D ngày 17/01/2018: 243.034đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180212C91D ngày 12/02/2018: 1.123.920đ.

+ Biên lai thanh toán viện phí số 1802020082 ngày 12/02/2018: 13.156.212đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180306329D ngày 06/03/2018: 92.784đ.

+ Phiếu mua thuốc nội trú số 180316C82D ngày 16/03/2018: 941.600đ.

+ Phiếu mua thuốc số 180402548D ngày 02/04/2018: 1.264.020đ.

+ Phiếu mua thuốc số 180525F59D ngày 15/5/2018: 2.083.480đ.

+ Phiếu thu tiền xét nghiệm ngày 25/05/2018: 536.000đ.

+ Tiền anh T2 thuê xe đi, về khám ngày 25/5/2018: 960.000đ.

+ Tiền anh Chiều thuê xe đi, về khám ngày 15/01/2018 (1.000.000đ) và 04 lượt khám lại (1.400.000đ): 2.400.000đ.

Tổng: 37.280.132đ.

Ngoài ra gia đình người bị hại còn xuất trình các hoá đơn:

+ Hóa đơn bán hàng dịch vụ khám, chữa bệnh số 0005957 ngày 17/01/2018: 500.000đ của Bệnh viện Tâm thần Ba Thá.

+ Hóa đơn bán hàng dịch vụ khám, chữa bệnh số 0005958 ngày 17/01/2018: 46.000đ của Bệnh viện Tâm thần Ba Thá.

Tổng tiền thuốc điều trị và tiền xe theo các hóa đơn hai bên cung cấp đến ngày xét xử sơ thẩm là: 106.900.928 đồng. Trong đó các hoá đơn ngày 17/01/2017 của Bệnh viện tâm thần Ba Thá (số tiền 546.000đ) không được chấp nhận vì thời gian này bị hại đang nằm điều trị tại Bệnh viện Quân y 103; gia đình bị cáo N đã thanh toán (gồm cả tiền thuốc và tiền mặt): 89.620.796đ. Nay buộc bị cáo phải thanh toán tiếp: 17.280.132đ. Trong đó gồm trả tiền xe cho anh Nguyễn C là 2.400.000 đồng, trả anh T2 là 960.000 đồng, còn lại phải trả cho người bị hại: 13.920.132 đồng.

* Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị hại: 18 ngày (Đợt 1: Từ 15/01-01/02/2018) + 12 ngày (đợt 2: Từ 05/03-16/03/2018) x 220.000đ/ngày = 6.600.000đ. Ngày công bị mất khi không nằm viện nhưng không thể lao động: 31 ngày (từ ngày 02/02 đến ngày 04/03/2018`) x 220.000đ/ngày = 6.820.000đ. Tổng 13.420.000đ.

Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị:

Của chị D: 61 ngày (từ ngày 15/01/2018 đến ngày 16/03/2018) x 220.000đ/ngày = 13.420.000đ.

Của anh T2: 30 ngày (18 ngày đợt 1 + 12 ngày đợt 2) x 220.000đ/ngày = 6.600.000đ.

Xét thấy sau khi bị thương tích, sức khỏe anh T bị giảm sút, cần buộc bị cáo bồi thường một khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe tương ứng với 20 tháng lương cơ sở x 1.390.000đ = 27.800.000đ.

Đồng thời buộc bị cáo bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần T1ơng ứng 20 tháng lương cơ bản x 1.390.000đ = 27.800.000đ.

Tổng buộc Nguyễn Văn N phải bồi thường cho Nguyễn Văn T là: 82.940.132đ.

Trả chị Phan Thị D 13.420.000đ.

Trả anh T2 6.600.000đ.

Trả anh Nguyễn C 2.400.000đ.

Về vật chứng: Đối với chiếc chiếc dĩa bằng kim loại có 4 đầu nhọn, cán bằng tre không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đối với Lê H, người đã lái taxi đưa N lên Thái Nguyên, do Hùng không biết N thực hiện hành vi cố ý gây thương tích nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thành H (Nguyễn H) là anh trai Nguyễn Văn N, do không biết hành vi phạm tội của Năm nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt Nguyễn Văn N 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc Nguyễn Văn N phải bồi thường cho Nguyễn Văn T số tiền: 82.940.132đ; bồi thường cho Phạm Thị D 13.420.000đ, cho anh Nguyễn Văn T2 6.600.000đ; cho anh Nguyễn C 2.400.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Nguyễn Văn N bồi hoàn số tiền đã thanh toán cho người bị hại là 87.647.796đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Nguyễn Văn N bồi hoàn số tiền thuê xe là 2.000.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn C không yêu cầu bị cáo bồi thường ngày công thu nhập bị mất.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 dĩa kim loại, 01 gậy tre thu giữ của Nguyễn Văn N.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1, Khoản 3 Điều 21; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.268.006đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Hiệp